

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **187/2026/HS-PT**
Ngày: 11 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Ông Nguyễn Văn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2026/TLPT-HS ngày 19/5/2026 đối với bị cáo Ngô Văn S về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”, do có kháng cáo của bị cáo Ngô Văn S; các bị hại Lương Thị Diễm T, Nguyễn Hữu T1 và bà Hồ Thị T2 là người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Song T3 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2026/HS-ST ngày 03/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: Ngô Văn S; tên gọi khác: Không; sinh năm 1985 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: thôn P, xã N, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Ngô Văn H, sinh năm 1960 và bà Hồ Thị N, sinh năm 1963; có vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị cáo bị kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự:**

1. Phạm Quốc H1 (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1985 tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: Tổ D, phường A, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Lái xe, phụ xe. Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Phạm Văn L, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1956 (đã chết). Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam G – Bộ C4. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Đình Hoàng V (Tên gọi khác: Không). Sinh năm 1985 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông (Nhân viên quản lý thuộc Công ty TNHH T10). Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962. Có vợ tên Trần Thị Kim L1, sinh năm 1986 và 03 con: con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền

án, tiền sự: Không. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam K1 – Bộ C4. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn S:** Ông Đỗ Đức H3 và ông Nguyễn Tiến N1 – Công ty L3 – Chi nhánh P2; địa chỉ: E Q, xã P, tỉnh Gia Lai. Ông H3 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N1 có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình Hoàng V:** Ông Nguyễn Đức T4, bà Nguyễn Thị Mỹ H4 – Luật sư, Công ty L3, Chi nhánh Đ, địa chỉ: A D, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ông T4, bà H4 vắng mặt.

*** Người bị hại có kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự:**

1. Trần Thị Song T3 (chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Song T3: Bà Hồ Thị T2, sinh năm 1977 (là mẹ của bị hại T3). Nơi cư trú: Thôn C, xã P, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị T2: Ông Ngô Tấn H5, bà Nguyễn Kim C1 – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm T11, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: D N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Ông H5, bà C1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Lương Thị Diễm T, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lương Thị Diễm T: ông Phan Tấn H6 - Luật sư, Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K; địa chỉ: A C, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Khu phố C, phường Đ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Hữu T1: ông Phan Tấn H6 - Luật sư, Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K; địa chỉ: A C, phường N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*** Người bị hại không kháng cáo**

1. Đỗ Thị Kim C2 (chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Đỗ Thị Kim C2: Ông Đỗ C3, sinh năm 1951, bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952 (là cha, mẹ của bị hại C2) và ông Đỗ Minh T5 – sinh năm 1993 (là chồng của bị hại C2). Nơi cư trú: Thôn G, xã Đ, Tỉnh Lâm Đồng. Ông C3, bà M, anh T5 đều vắng mặt.

2. Trần Công A (chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Công A: Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1972, ông Trần Hồng Q, sinh năm 1971 (là cha, mẹ của bị hại A). Nơi cư trú: 145/11 Nguyễn Tri P1, Tổ 47, V, phường T, thành phố Đà Nẵng. Bà T6, ông Q đều vắng mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Thanh H7, sinh năm 1994. Nơi cư trú: K H, Tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Thanh H7: Ông Nguyễn Đức T4, bà Nguyễn Thị Mỹ H4 – Luật sư, Công ty L3, Chi nhánh Đ, địa chỉ: A D, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ông T4, bà H4 vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đức N2, sinh năm 1994; Nơi cư trú: D N, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Đức N2: Ông Nguyễn Đức T4, bà Nguyễn Thị Mỹ H4 – Luật sư, Công ty L3, Chi nhánh Đ, địa chỉ: A D, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ông T4, bà H4 vắng mặt.

3. Công ty TNHH T10, địa chỉ: Lô B B T, phường H, Quận L, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T10: Anh Nguyễn Đức N2, sinh năm 1994; Nơi cư trú: D N, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyễn Đức N2: Ông Nguyễn Đức T4, bà Nguyễn Thị Mỹ H4 – Luật sư, Công ty L3, Chi nhánh Đ, địa chỉ: A D, phường H, thành phố Đà Nẵng. Ông T4, bà H4 vắng mặt.

4. Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng S1.

Ủy quyền cho Công ty TNHH T10, địa chỉ: Lô B B T, phường H, Quận L, TP Đà Nẵng tham gia tố tụng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T10: Ông Nguyễn Đức N2, sinh năm 1994; Nơi cư trú: D N, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5. Anh Võ Minh H8, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. Tổng công ty B1, địa chỉ: G L, quận H, Hà Nội.

Công ty B2, địa chỉ: I T, Quận H, thành phố Đà Nẵng

Ủy quyền cho: Ông Âu Xuân Á, ông Phan D và ông Phạm Đông T7. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Công ty TNHH V1, địa chỉ: B B, phường T, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V1: Ông Hồ Văn T8, nơi cư trú: F L, phường T, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

Ủy quyền cho ông Võ Thành N3, sinh năm 1979, nơi cư trú: A D, phường T, TP Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH T10 có mã số doanh nghiệp D1, đăng ký lần đầu ngày 09/4/2019, được Sở Giao thông vận tải thành phố Đ cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số 287/2024/GPKDVT ngày 18/11/2024, do ông Nguyễn Đức N2 làm Giám đốc. Ngày 02/01/2025, ông Nguyễn Đức N2 ký hợp đồng lao động với Nguyễn Đình Hoàng V và ban hành Quyết định số 01/2025/QĐ-CTY bổ nhiệm V2 làm người trực tiếp điều hành vận tải, có nhiệm vụ quản lý phương tiện, phân công và điều động lái xe, phụ xe của công ty.

Theo quy định về thời gian làm việc của người lái xe, tuyển vận tải hành khách Đà Nẵng - Đ phải bố trí 02 lái xe đủ điều kiện để thay phiên điều khiển phương tiện. Tuy nhiên, do lượng hành khách tăng cao sau Tết Nguyên đán năm 2025 và công ty T12, chuyển xe khách biển kiểm soát 50H-355.47 xuất bến ngày 01/02/2025 và về bến ngày 03/02/2025 chỉ do một mình Ngô Văn S điều khiển toàn bộ hành trình, được hưởng mức lương “tài xế” 2.400.000 đồng.

Sau chuyến xe này, S báo cho V biết sức khỏe không bảo đảm để tiếp tục một mình lái xe toàn tuyến. Mặc dù biết Phạm Quốc H1 chỉ có giấy phép lái xe hạng C và giấy

phép này đang bị tước quyền sử dụng, không đủ điều kiện điều khiển xe ô tô khách biển kiểm soát 50H-355.47, ngày 03/02/2025 V vẫn điều động H1 cùng S thay phiên điều khiển xe trên tuyến Đà Nẵng - Đ và ngược lại. Sa biết rõ tình trạng giấy phép lái xe của H1 không đủ điều kiện theo quy định nhưng theo quy định pháp luật thì S không được lái xe liên tục không được quá 04 giờ cho 1 lần chạy, để kịp thời gian trả khách nên S đã sử dụng giấy phép lái xe của mình và của Nguyễn Kim H9 để làm thủ tục đăng tải; sau khi xe xuất bến, trên xe chỉ có S và H1 thay phiên điều khiển. S là lái xe chính, trực tiếp phân công ca lái, mỗi lượt H1 điều khiển 01 ca, S điều khiển 02 ca.

Chiều ngày 07/02/2025, S điều khiển xe khách biển kiểm soát 50H-355.47 chở 42 hành khách theo hành trình Đà Nẵng - Đ. Mặc dù biết H1 không đủ điều kiện điều khiển xe và bản thân đã nhận trách nhiệm lái xe toàn tuyến, S vẫn phân công ca lái và giao xe cho H1 điều khiển. Khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, theo sự điều động của V và phân công của S, H1 tiếp nhận điều khiển xe.

Khoảng 01 giờ ngày 08/02/2025, khi điều khiển xe trên Quốc lộ A theo hướng Bắc - Nam đến Km1269+250m thuộc thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là tổ dân phố H, phường S, tỉnh Đắk Lắk), tại đoạn đường cong về bên phải, trời mưa, mặt đường trơn, H1 điều khiển xe với tốc độ nhanh và đạp phanh làm xe mất thăng bằng, lật nghiêng sang phải. Hậu quả làm các hành khách Đỗ Thị Kim C2, Trần Công A và Trần Thị Song T3 chết; Lương Thị Diễm T và Nguyễn Hữu T1 bị thương, phải cấp cứu và điều trị.

Các Kết luận giám định tử thi số 73, 74 và 75 ngày 12/02/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh P xác định nguyên nhân chết của các bị hại là do đa chấn thương. Các Kết luận giám định tổn thương cơ thể số 193 và 194 ngày 04/6/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh P xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lương Thị Diễm T là 73% và của Nguyễn Hữu T1 là 57%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2026/HS-ST ngày 03/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn S phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 264; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. ***Xử phạt bị cáo Ngô Văn S 04 năm tù***, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc H1 “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Về hình phạt: Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 BLHS ***xử phạt bị cáo Phạm Quốc H1 08 năm tù***. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/02/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 590, 591 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc Công ty TNHH T10 do ông Nguyễn Đức N2 đại diện và các bị cáo Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V, Ngô Văn S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 159.000.000 đồng cho bà Hồ Thị T2 được nhận, cụ thể Công ty TNHH T10 do ông Nguyễn Đức N2 đại diện phải bồi thường cho bà T2 số tiền 111.300.000 đồng; các bị cáo H1, V, S mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà T2 số tiền 15.900.000 đồng về khoản thiệt hại tính mạng bị hại Trần Thị Song T3 bị xâm phạm.

Buộc Công ty TNHH T10 do ông Nguyễn Đức N2 đại diện và các bị cáo Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V, Ngô Văn S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 291.292.139 đồng cho bị hại Lương Thị Diễm T được nhận, cụ thể Công ty TNHH T10 do ông Nguyễn Đức N2 đại diện phải bồi thường cho bị hại T số tiền 203.904.497,3 đồng; các bị cáo H1, V, S mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại T số tiền 29.129.213,9 đồng về khoản thiệt hại do sức khỏe bị hại T bị xâm phạm.

Buộc Công ty TNHH T10 do ông Nguyễn Đức N2 đại diện và các bị cáo Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V, Ngô Văn S phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 291.798.477 đồng cho bị hại Nguyễn Hữu T1 được nhận, cụ thể Công ty TNHH T10 do ông Nguyễn Đức N2 đại diện phải bồi thường cho bị hại T1 số tiền 204.258.934 đồng; các bị cáo H1, V, S mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại T1 số tiền 29.179.847,67 đồng về khoản thiệt hại do sức khỏe bị hại T1 bị xâm phạm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình Hoàng V, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/3/2026, bị cáo Ngô Văn S kháng cáo kêu oan. Ngày 13/3/2026, các bị hại Nguyễn Hữu T1 và Lương Thị Diễm T kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường. Ngày 14/3/2026, bà Hồ Thị T2 kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường và buộc Công ty TNHH T10 chịu toàn bộ nghĩa vụ bồi thường.

Ngày 07/7/2026, bị cáo Ngô Văn S có văn bản thay đổi, bổ sung kháng cáo theo hướng thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị hại Lương Thị Diễm T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp tài liệu dạy thêm trước khi xảy ra tai nạn. Bị hại Nguyễn Hữu T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và nộp tài liệu, chứng cứ yêu cầu bồi thường thêm khoản chi phí khám, chữa bệnh phát sinh với số tiền 9.488.976 đồng.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ngô Văn S về tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 3 Điều 264 BLHS là có căn cứ. Tại cấp sơ thẩm, bị cáo quanh co, chối tội nên không có căn cứ áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại phúc thẩm, bị cáo đã nhận thức, thừa nhận hành vi phạm tội nhưng theo khoản 17 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP thì không được áp dụng tình tiết này. Tuy nhiên, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ khác như tích cực hỗ trợ đưa hành khách ra khỏi xe sau tai nạn, có thân nhân là người có công với cách mạng, được một số bị hại đề nghị giảm nhẹ và tự nguyện bồi thường cho các bị hại 30.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, giảm hình phạt cho bị

cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS: chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Văn S. Sửa án sơ thẩm về mức hình phạt. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 264; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Ngô Văn S 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Đối với kháng cáo của các bị hại về trách nhiệm dân sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu tăng mức bồi thường của đại diện bị hại Trần Thị Song T3; chấp nhận yêu cầu của bị hại Lương Thị Diễm T về khoản thu nhập thực tế bị mất là 23.400.000 đồng và yêu cầu của bị hại Nguyễn Hữu T1 về chi phí khám, chữa bệnh phát sinh là 9.488.976 đồng. Đồng thời, đề nghị xác định Công ty TNHH T10 là chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản và tính mạng bị xâm phạm cho gia đình các bị hại.

Đối với bị cáo Phạm Quốc H1 không kháng cáo về hình phạt, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với việc bị cáo tích cực hỗ trợ đưa hành khách ra khỏi xe sau tai nạn. Đây là thiếu sót bất lợi cho bị cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 357 Bộ luật TTHS, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Quốc H1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 260, điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc H1 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/02/2025.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Tại cấp sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng sau đó bị cáo đã có đơn trình bày và xin thay đổi nội dung kháng cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện nộp 30.000.000 đồng bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Bị cáo có thân nhân là người có công với cách mạng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo được bị hại T1 và T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Về Trách nhiệm dân sự, người bào chữa đồng ý với quan điểm với kiểm sát viên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại Lương Thị Diễm T và Nguyễn Hữu T1 tranh luận: Về tội danh, đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Về hình phạt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại, thay mặt các bị hại xin giảm một phần hình phạt cho bị cáo Ngô Văn S. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại cho rằng bản án hình sự sơ thẩm xem xét chưa thỏa đáng về phần bồi thường thiệt hại cho các bị hại Lương Thị Diễm T và Nguyễn Hữu T1. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tăng mức bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Cụ thể, đối với bị hại Lương Thị Diễm T yêu cầu bồi thường thêm 27.000.000 đồng tiền thu nhập thực tế bị mất, bồi thường các khoản tiền xe do cơ quan Công an, Viện kiểm sát và Tòa án mời làm việc và bồi thường tổn thất tinh thần thêm 5 tháng lương tháng lương cơ sở. Đối với bị hại T1 yêu cầu bồi thường thêm các khoản tiền xe do cơ quan Công an, Viện kiểm sát và Tòa án mời làm việc; bồi thường tổn

thất tinh thần thêm 10 tháng lương tháng lương cơ sở, thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là điện thoại di động Xiaomi 11T bị mất khi bị tai nạn và chi phí phẫu thuật khâu gân gấp ngón cái dài tay phải vào ngày 13/7/2026 (chi phí phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm) với tổng chi phí hóa đơn thuốc, chi phí bồi dưỡng, thu nhập thực tế bị mất của người nuôi bệnh, tiền tàu xe là 9.488.976 đồng.

Tại bản luận cứ bào chữa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị T2 trình bày: Cấp sơ thẩm tuyên buộc công ty TNHH T10 và các bị cáo Ngô Văn S, Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V liên đới bồi thường cho các bị hại chia theo tỷ lệ công ty bồi thường 70%, các bị cáo mỗi người 10% là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 597 Bộ luật dân sự thì trong trường hợp này Công ty T10 phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự cho các bị hại. Về mức bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường đối với số tiền 55.000.000 đồng về phần tập tục giết mổ bò, heo ở tại địa phương (theo phong tục người Mnông) là chưa đảm bảo quyền lợi cho người đại diện hợp pháp của người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Hồ Thị T2.

Bị cáo, người bị hại không tranh luận gì thêm. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V, người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Song T3 là bà Hồ Thị T2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hồ Thị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, công ty TNHH T10 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo Ngô Văn S tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: mặc dù biết rõ Phạm Quốc H1 không có giấy phép lái xe phù hợp và đang bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, không đủ điều kiện điều khiển xe ô tô khách biển kiểm soát 50H-355.47. Nguyễn Đình Hoàng V vẫn cố ý điều động H1 điều khiển xe ô tô khách biển kiểm soát 50H-355.47 theo lộ trình Đà Nẵng - Đ. Ngô Văn S là tài xế được phân công đi cùng chuyến xe vẫn phân công ca lái và giao xe cho H1 điều khiển. H1 điều khiển xe không bảo đảm an toàn, gây tai nạn làm 03 người chết và 02 người bị thương nặng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Ngô Văn S về tội "*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a khoản 3 Điều 264 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Ngô Văn S:

Tại giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, bị cáo Ngô Văn S không thừa nhận hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có cơ sở. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã thay đổi nội dung kháng cáo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm

tội, khai báo đầy đủ, đúng sự thật về diễn biến vụ án, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Tại khoản 17 Điều 2 Nghị quyết 04/2025/NQ/HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn: *“Trường hợp lúc đầu người phạm tội quanh co, chối tội hoặc khai báo không đúng sự thật, nhưng sau đó đã khai báo lại một cách đầy đủ và đúng sự thật diễn biến việc phạm tội, thì vẫn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo đối với họ, nhưng mức độ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong trường hợp này không thể bằng trường hợp ngay từ đầu họ đã khai báo đầy đủ và đúng sự thật.”* Do đó, mặc dù trước đây bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bị cáo ở giai đoạn Phúc thẩm đã khai báo đầy đủ, đúng sự thật về hành vi phạm tội của mình là đủ cơ sở để áp dụng tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với báo cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét mức độ giảm nhẹ không thể bằng trường hợp người phạm tội ngay từ đầu đã thành khẩn khai báo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo tự nguyện nộp 30.000.000 đồng bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Vì vậy, có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo S cùng bị cáo H1 đập cửa kính xe, hỗ trợ đưa các hành khách bị mắc kẹt ra ngoài, góp phần hạn chế hậu quả của vụ tai nạn. Hành vi này thể hiện việc tích cực ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm, thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết này là thiếu sót, bất lợi cho các bị cáo.

Bị cáo có ông nội Ngô K và bác ruột Ngô T9 là liệt sĩ; bà nội Nguyễn Thị L2 là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; cha ruột Ngô Văn H được tặng Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đày; được các bị hại Lương Thị Diễm T, Nguyễn Hữu T1 và đại diện hợp pháp của các bị hại Đỗ Thị Kim C2 và Trần Công A đề nghị giảm nhẹ hình phạt; bị cáo nộp bổ sung tài liệu xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được xem xét theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những căn cứ trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm.

Tuy nhiên, xét hành vi của bị cáo S có mối quan hệ trực tiếp với việc để Phạm Quốc H1, là người không đủ điều kiện điều khiển ô tô chở khách, tiếp tục điều khiển phương tiện và từ đó xảy ra vụ tai nạn gây hậu quả nghiêm trọng. Bị cáo là người sử dụng giấy phép lái xe của Nguyễn Kim H9 để làm thủ tục đăng tài, xuất bến. Bị cáo biết H1 không đủ điều kiện lái xe khách nhưng trực tiếp giao xe cho H1 điều khiển xe gây ra tai nạn. Hậu quả của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, làm chết 3 người, bị thương 2 người, việc cho hưởng án treo là hoàn toàn không tương xứng với tính chất tội phạm. Do đó cần có mức hình phạt đủ nghiêm để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Văn S về việc xin giảm nhẹ hình phạt; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo; sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại

[4.1] Đối với kháng cáo của bà Hồ Thị T2

- Về yêu cầu tăng mức bồi thường:

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận các khoản chi phí gồm: tiền vé xe, thuê xe đưa thi thể về an táng 29.000.000 đồng; chi phí hợp lý cho việc mai táng 96.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 100 tháng lương cơ sở, tương ứng 234.000.000 đồng, là có căn cứ và phù hợp Điều 591 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản tiền 55.000.000 đồng chỉ cho việc giết mổ bò, heo theo phong tục địa phương không thuộc chi phí hợp lý cho việc mai táng theo khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường của bà Hồ Thị T2.

- Về chủ thể có nghĩa vụ bồi thường

Các bị cáo Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V và Ngô Văn S đều là người lao động của Công ty TNHH T10 theo hợp đồng lao động; tai nạn xảy ra trong quá trình các bị cáo thực hiện công việc được giao, sử dụng xe ô tô khách thuộc quyền quản lý, khai thác của công ty. Theo Điều 600 Bộ luật Dân sự, pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người làm công gây ra trong khi thực hiện công việc được giao và có quyền yêu cầu người làm công có lỗi hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo khoản 2 Điều 601 Bộ luật Dân sự, chủ sở hữu hoặc người được giao chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.

Hồ sơ vụ án không thể hiện Công ty TNHH T10 đã giao cho các bị cáo quyền chiếm hữu, sử dụng phương tiện một cách độc lập hoặc có thỏa thuận chuyển giao trách nhiệm bồi thường. Các bị cáo chỉ là người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ theo sự quản lý, điều hành của công ty. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc công ty và các bị cáo liên đới bồi thường theo tỷ lệ công ty 70%, mỗi bị cáo 10% là chưa phù hợp với Điều 600, 601 Bộ luật Dân sự.

Cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH T10 chịu toàn bộ nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại. Sau khi thực hiện nghĩa vụ bồi thường, công ty có quyền yêu cầu những người lao động có lỗi hoàn trả một khoản tiền tương ứng theo quy định của pháp luật; nếu phát sinh tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị T2 về chủ thể có nghĩa vụ bồi thường. Buộc Công ty TNHH T10 phải bồi thường cho bị hại Trần Thị Song T3 có đại diện hợp pháp là bà Hồ Thị T2 tổng số tiền 359.000.000 đồng, đã bồi thường trước 200.000.000 đồng, còn lại phải bồi thường 159.000.000 đồng.

[4.2] Đối với kháng cáo của bị hại Lương Thị Diễm T

Căn cứ Điều 590 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại Lương Thị Diễm T gồm: chi phí cứu chữa, điều trị, bồi dưỡng và phục hồi sức khỏe 221.412.139 đồng; chi phí đi lại khám, chữa bệnh 4.080.000 đồng; chi phí thuê người chăm sóc trong 17 ngày là 5.100.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 45 tháng lương cơ sở là 105.300.000 đồng. Tổng cộng là 335.892.139 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường 27.000.000 đồng tiền thu nhập thực tế bị mất do không thể tiếp tục dạy kèm học sinh tại nhà, tại cấp phúc thẩm bị hại cung cấp các tin nhắn qua ứng dụng Zalo và tài liệu thể hiện việc nhận dạy kèm. Đối với học sinh do phụ huynh Thảo U thuê dạy, tin nhắn thể hiện mức học phí 2.700.000 đồng/tháng. Đối với học sinh do phụ huynh Mia Huỳnh thuê dạy, có tài liệu thể hiện việc chuyển khoản tiền học phí 1.200.000 đồng/tháng. Đây là những tài liệu phù hợp để xác định thu nhập thực tế mà bị hại có được từ việc dạy kèm trước khi bị xâm phạm sức khỏe. Xét thời gian thực tế bị hại không thể trở lại công việc do tình trạng sức khỏe không bảo đảm là 06 tháng, có căn cứ xác định khoản thu nhập thực tế bị mất của bị hại đối với 02 học sinh nêu trên là: $(2.700.000 \text{ đồng} + 1.200.000 \text{ đồng}) \times 06 \text{ tháng} = 23.400.000 \text{ đồng}$. Đối với 01 học sinh khác mà bị hại cho rằng có nhận dạy kèm tại nhà, bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc nhận dạy, mức học phí và thu nhập thực tế nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này. Như vậy, tổng thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại Lương Thị Diễm T được xác định là **359.292.139 đồng**, tăng **23.400.000 đồng** so với số tiền Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định. Bị hại đã nhận số tiền bồi thường 44.600.000 đồng nên số tiền còn phải bồi thường là **314.692.139 đồng**.

Đối với yêu cầu thanh toán chi phí đi lại tham gia các buổi làm việc, phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy mời của cơ quan tiến hành tố tụng, đây không phải là khoản thiệt hại trực tiếp do sức khỏe bị xâm phạm quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Lương Thị Diễm T; sửa bản án sơ thẩm, tăng khoản bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm thêm **23.400.000 đồng** so với bản án sơ thẩm.

[4.3] Đối với kháng cáo của bị hại Nguyễn Hữu T1

Căn cứ Điều 590 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận: chi phí cứu chữa, điều trị, bồi dưỡng và phục hồi sức khỏe 45.587.477 đồng; thu nhập thực tế bị mất trong 12 tháng là 180.000.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 40 tháng lương cơ sở là 93.600.000 đồng; chi phí đi lại tái khám 3.220.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong 52 ngày là 15.600.000 đồng. Tổng thiệt hại được chấp nhận là 338.007.477 đồng là phù hợp với quy định pháp luật..

Tại cấp phúc thẩm, anh Nguyễn Hữu T1 cung cấp được các tài liệu, hóa đơn thể hiện việc phẫu thuật khâu gân gấp ngón cái dài tay phải vào ngày 13/7/2026 với tổng chi phí hóa đơn thuốc, chi phí bồi dưỡng, thu nhập thực tế bị mất của người nuôi bệnh, tiền tàu xe là **9.488.976 đồng**. Đây là chi phí phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm, phù hợp quy định pháp luật nên **cần chấp nhận**. Như vậy, tổng thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại Nguyễn Hữu T1 được xác định là **347.496.453 đồng**, tăng 9.488.976 đồng so với mức Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định. Bị hại đã được bồi thường 46.209.000 đồng, số tiền còn phải bồi thường là **301.287.453 đồng**.

Đối với các khoản chi phí đi lại theo giấy mời của cơ quan tiến hành tố tụng, pháp luật không quy định đây là khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm nên không được chấp nhận là có căn cứ. Đối với yêu cầu bồi thường giá trị điện thoại Xiaomi 11T bị mất, bị hại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Hữu T1, sửa bản án sơ thẩm, tăng mức bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm thêm **9.488.976 đồng**.

[4.4] Từ những nhận định mục [4.1], [4.2], [4.3] có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị T2 về chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường; không chấp nhận yêu cầu tăng mức bồi thường của bà Hồ Thị T2; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại chị Lương Thị Diễm T, anh Nguyễn Hữu T1 về tăng mức bồi thường;

[4.5] Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của bị cáo Ngô Văn S với số tiền 30.000.000đồng cho các bị hại. Số tiền 30.000.000đồng này được khấu trừ vào số tiền 159.000.000 đồng + 314.692.139 đồng + 301.287.453 đồng = **774.979.592 đồng** mà Công ty TNHH T10 phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Song T3 là bà Hồ Thị T2, bị hại Lương Thị Diễm T và bị hại anh Nguyễn Hữu T1.

[5] Đối với bị cáo Phạm Quốc H1 không có kháng cáo về phần hình phạt

Mặc dù bị cáo Phạm Quốc H1 không kháng cáo về phần hình phạt, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với việc bị cáo tích cực hỗ trợ đưa hành khách ra khỏi xe sau tai nạn. Đây là thiếu sót bất lợi cho bị cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo hướng có lợi cho bị cáo không kháng cáo. Xét mức hình phạt sơ thẩm có phần nghiêm khắc, cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo Phạm Quốc H1, bảo đảm sự công bằng và chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về án phí

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH T10 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với toàn bộ nghĩa vụ bồi thường là 20.000.000đồng + 4% {(774.979.592 đồng – 30.000.000 đồng) – 400.000.000đ} = 33.799.184 đồng. Các bị cáo Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V và Ngô Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Ngô Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Song T3 là bà Hồ Thị T2, bị hại Lương Thị Diễm T, Nguyễn Hữu T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[7] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo và người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại là có căn cứ nên chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt cho bị cáo S, bị cáo H1, phân trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Văn S; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại Lương Thị Diễm T, Nguyễn Hữu T1 và bà Hồ Thị T2; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2026/HS-ST ngày 03/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo Ngô Văn S, Trần Quốc H10 và về phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Tuyên bố: bị cáo Ngô Văn S phạm tội “*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 264; điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn S 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 260; điểm a, b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, **xử phạt bị cáo Phạm Quốc H1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2025.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 590, 591, 600, 601 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc Công ty TNHH T10 do ông Nguyễn Đức N2 là người đại diện theo pháp luật phải bồi thường cho bà Hồ Thị T2 số tiền 159.000.000 đồng do tính mạng của bị hại Trần Thị Song T3 bị xâm phạm.

Buộc Công ty TNHH T10 do ông Nguyễn Đức N2 là người đại diện theo pháp luật phải bồi thường cho bị hại Lương Thị Diễm T số tiền 314.692.139 đồng do sức khỏe bị xâm phạm.

Buộc Công ty TNHH T10 do ông Nguyễn Đức N2 là người đại diện theo pháp luật phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Hữu T1 số tiền 301.287.453 đồng do sức khỏe bị xâm phạm.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả của bị cáo Ngô Văn S với số tiền 30.000.000 đồng nộp theo biên lai thu tiền số 0000194 ngày 21/07/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Số tiền 30.000.000 đồng này được khấu trừ vào số tiền **774.979.592 đồng** Công ty TNHH T10 phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Song T3 là bà Hồ Thị T2, bị hại Lương Thị Diễm T và bị hại anh Nguyễn Hữu T1.

Công ty TNHH T10 có quyền yêu cầu các bị cáo Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V và Ngô Văn S hoàn lại số tiền đã bồi thường theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH T10 phải chịu 33.799.184 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo Phạm Quốc H1, Nguyễn Đình Hoàng V và Ngô Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Ngô Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị hại Lương Thị Diễm T, Nguyễn Hữu T1 và bà Hồ Thị T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đắk Lắk
- TAND khu vực 14- Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 14;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Văn Toàn